

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HC-ST

Ngày: 20/7/2017

V/v khiếu kiện: “Hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Huỳnh Tư

2. Bà Lê Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 03/2017/TLST-HC ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc khiếu kiện “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2017/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** 1. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1963;

2. Bà Đỗ Thị Phi D, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: 108/2D ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Tấn H ủy quyền cho bà Đỗ Thị Phi D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Văn T - Văn phòng luật sư Trương Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*** *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thành H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trúc L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2017. (vắng mặt)

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 117A ấp Mỹ An A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn V - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Đ - Công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã M, theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa người khởi kiện bà Đỗ Thị Phi D trình bày:

Vào năm 2003, bà Trần Thị L có cho bà và chồng bà là ông Nguyễn Tân H phần đất có diện tích 54m² thuộc một phần thửa 34 tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp An Thuận A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Khi cho đất, các bên chỉ làm giấy ủy quyền chứ không làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau khi được bà L cho đất, bà và ông H cất một căn nhà bằng gỗ để gia đình sinh sống. Vào năm 2009, do bão nên nhà của bà bị hư hỏng. Trên cơ sở đó, xét hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo nên ngày 30/01/2011, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M xây cất cho gia đình ông bà một căn nhà tình thương tọa lạc trên phần đất mà bà L cho gia đình ông bà vào năm 2003.

Năm 2013, bà L chết. Sau khi bà L chết thì bà Lê Thị B (cháu dì của bà Trần Thị L) được thừa kế quyền sử dụng đất thửa 34 tờ bản đồ số 03 do bà L đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 26/02/2014, bà B được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND thành phố B cấp cho bà B toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 34 tờ bản đồ số 03 là không đúng vì trong phần đất này có một phần đất của bà và ông H hiện nay đang quản lý, sử dụng. Mặc khác, thời điểm niêm yết thừa kế quyền sử dụng đất của bà L tại UBND xã M thì bà hoàn toàn không thấy niêm yết công khai vì lúc này bà làm tạp vụ tại UBND xã M. Đến năm 2015, bà mới biết bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, vào năm 2015 bà làm đơn yêu cầu UBND xã M tổ chức hòa giải và cả hai lần hòa giải bà B đều không đến tham dự, vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, việc UBND thành phố B đã có sai phạm trong quá trình xét giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, việc làm của UBND thành phố B đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà.

Nay, bà và ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã M, thành phố B do UBND thành phố B đã cấp cho bà B vào ngày 26/02/2014.

Theo văn bản ý kiến ngày 30/3/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, ông

Nguyễn Trúc L là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

- Quá trình đăng ký cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L, cụ thể như sau:

Ngày 01 tháng 9 năm 1994, bà Trần Thị L được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550 11200979 QSDĐ/56 QĐ UB với tổng diện tích 612m² (bao gồm các thửa đất số 1028, 1029 tờ bản đồ số 02), tọa lạc tại xã M, thành phố B.

Đến ngày 03 tháng 10 năm 2001, hộ bà L được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên mang số hiệu thửa mới là các thửa đất số 34, 35 cùng tờ bản đồ số 03 với tổng diện tích 674,2m², tọa lạc tại xã M, thành phố B. Trong quá trình sử dụng, bà Trần Thị L có yêu cầu tách thửa và chuyển quyền sử dụng đất cho một số chủ sử dụng khác. Đồng thời, bà L yêu cầu nhập thửa đất số 34 và thửa đất số 35 mang số hiệu thửa mới là thửa đất số 34 tờ bản đồ số 03 và hủy thửa đất số 35 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã M, thành phố B.

Ngày 14 tháng 01 năm 2010, bà L có đơn đề nghị cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp vào năm 2002. Hồ sơ đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố) thẩm tra hồ sơ là đủ điều kiện.

Ngày 02 tháng 3 năm 2010, bà L được UBND thành phố B cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên mang số hiệu thửa đất số 34, tờ bản đồ số 3 với diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH00112.

- Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị B do nhận thừa kế từ bà L, cụ thể như sau:

Ngày 23 tháng 11 năm 2013, những người hàng thừa kế thứ ba của bà L lập văn bản đại diện cho bà Lê Thị B liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đã cấp cho bà L vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L đã bị mất. Văn bản cử người đại diện được UBND Phường N chứng thực vào ngày 25 tháng 11 năm 2013.

Hồ sơ mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai tại UBND xã M theo quy định (từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 đến ngày 18 tháng 11 năm 2013). Trong quá trình niêm yết công khai UBND xã M không nhận bất kỳ đơn thư khiếu nại tranh chấp của cá nhân nào.

Ngày 14 tháng 02 năm 2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có Tờ trình số 243/TT -TNMT về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị L.

Ngày 26 tháng 02 năm 2014, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 625/Q-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị L.

Đồng thời, trước đó ngày 25 tháng 11 năm 2013, các hàng thừa kế thứ ba của bà L (hàng thừa kế này gọi bà L bằng dì ruột) lập văn bản phân chia tài sản thừa kế thừa đất số 34 tờ bản đồ số 03 với diện tích 343,1m². Văn bản phân chia thừa kế được niêm yết công khai tại UBND xã M (từ ngày 25 tháng 11 năm 2013 đến hết ngày 09 tháng 12 năm 2013), trong quá trình niêm yết công khai UBND xã M không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tranh chấp nào (trong văn bản phân chia thừa kế có sự đồng ý ký tên của bà Lê Thị H là mẹ của bà Đỗ Thị Phi D).

Ngày 26 tháng 02 năm 2014, bà B được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH02658 đối với thửa đất số 34 tờ bản đồ số 03 với diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B do nhận thừa kế từ bà L.

Căn cứ theo Điều 129, Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B là đúng theo quy định pháp luật, cụ thể: văn bản phân chia thừa kế đã được Văn phòng công chứng công chứng và đầy đủ các hồ sơ, giấy tờ theo quy định.

- Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị Phi D và ông Nguyễn Tấn H:

Ngày 28 tháng 3 năm 2016 bà D và ông H có đơn việc khiếu nại việc sai phạm trong quá trình lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị B tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 03, diện tích 343,1m² do nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bà L.

Ngày 04 tháng 4 năm 2016, UBND thành phố thụ lý giải quyết khiếu nại của bà D và ông H và giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố xác minh, đề xuất giải quyết theo quy định. Trong quá trình giải quyết khiếu nại thì vào ngày 10 tháng 6 năm 2016, bà D và ông H có đơn xin rút lại đơn khiếu nại do ông, bà ký tên vào ngày 10 tháng 6 năm 2016.

Đến ngày 16 tháng 6 năm 2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại của bà D và ông H.

Ngày 07 tháng 9 năm 2016, bà D và ông H tiếp tục có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố, nội D: khiếu nại việc sai phạm trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị B, tại thửa đất 34 tờ bản đồ số 03, diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B. Căn cứ khoản 8 Điều 11 của Luật Khiếu nại, UBND thành phố B không thụ lý giải quyết, lý do: có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại.

Từ các chứng cứ trên, UBND thành phố B thấy rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị B đối với phần đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã M, thành phố B là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Nếu việc UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B không đúng thì UBND thành phố B cũng không có lỗi vì UBND thành phố B hoàn toàn không biết trên phần đất của bà L có căn nhà tình thương của bà D và ông H.

Theo văn bản ngày 24/5/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, ông Lê Hồng Đ là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã M trình bày:

Việc niêm yết văn bản phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị L, UBND xã M đã thực hiện đúng quy trình từ ngày 25/11/2013 đến ngày 09/12/2013. Kết thúc thời gian niêm yết địa phương không nhận được thư khiếu nại, tranh chấp nào. UBND thành phố B xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị B theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là đúng. Việc bà D và ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố B cấp cho bà B vào ngày 26/02/2014, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã M, thành phố B là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà D và ông H.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, luật sư Trương Văn T trình bày:

Văn bản phân chia thừa kế ngày 25/11/2013 còn thiếu 4 người trong hàng thừa kế thứ 3 của bà Trần Thị L. Khi UBND thành phố B cấp quyền sử dụng đất cho bà B thì trên đất đã có căn nhà kiên cố của bà D, ông H nhưng UBND thành phố B không xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D và ông H, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngày 30/01/2011, UBND xã M có quyết định về việc cấp nhà tình thương cho ông Nguyễn Tấn H, ấp An Thuận A, xã M. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận trên phần đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 diện tích 343,1m² hiện nay có tài sản gắn

liền với đất là căn nhà của vợ chồng bà D, ông H được xây dựng vào năm 2011. Như vậy, khi niêm yết văn bản thừa kế quyền sử dụng đất của bà L thì cán bộ chuyên môn xã M không thông báo cho bà D, ông H và không báo cáo cho UBND thành phố B biết trên phần đất thừa kế của bà L có căn nhà của bà D, ông H, đây là thiếu sót của UBND xã M. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, bà B cũng thừa nhận bà L có tổng cộng 12 người cháu ruột; tuy nhiên, theo văn bản thừa kế ngày 25/11/2013 thì chỉ có 08 người ký tên, còn lại 02 người cháu gọi bà L là dì và 02 người cháu gọi bà L là cô thì không có ký tên vào văn bản phân chia thừa kế. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà D và ông H là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D và ông H, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố B đã cấp cho bà B.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

Vào ngày 26/02/2014, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị B đối với phần đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03, diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Do ông Nguyễn Tấn H và bà Đỗ Thị Phi D không đồng ý với việc UBND thành phố B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B đối với phần đất nêu trên nên ông H và bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà B vào ngày 26/02/2014. Căn cứ khoản 1 Điều 3, các điều 30, 32 Luật tố tụng Hành chính, đối tượng khởi kiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc 34 tờ bản đồ số 03, diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị B đứng tên quyền sử dụng đất và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Ngày 18/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được văn bản số: 1977/UBND-VP ngày 14/7/2017 của UBND thành phố B với nội dung: ông Nguyễn Trúc L là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là UBND thành phố B.

[2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Ngày 06/11/2004, bà Trần Thị L có giấy ủy quyền cho bà Đỗ Thị Phi D và ông Nguyễn Tấn H, nội dung giấy ủy quyền: bà L cho bà D và ông H một nền nhà diện tích khoảng 54m² để ở, không được bán hoặc sang nhượng cho người khác; Sau khi bà L chết, ông H và bà D được sử dụng vĩnh viễn nền nhà nói trên. Ngày 30/01/2011, UBND xã M có quyết định về việc cấp nhà tình thương cho ông Nguyễn Tấn H, ấp An Thuận A, xã M (BL 11). Tại phiên tòa, bà D và UBND xã M đều thừa nhận trên phần đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 diện tích 343,1m² hiện nay có tài sản gắn liền với đất là căn nhà của vợ chồng bà D, ông H được xây dựng vào năm 2011. Năm 2013, bà Trần Thị L chết, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ 3 của bà L tiến hành làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Căn cứ theo Điều 129 Luật Đất đai 2003, Điều 151 Nghị định 181/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất: khi người thừa kế nộp đầy đủ hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, chuyển hồ sơ đến cơ quan quản lý đất đai thuộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, lẽ ra trong trường hợp này, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phải thẩm tra quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 diện tích 343,1 m² để tham mưu cho UBND thành phố B cấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại biên bản đối thoại ngày 17/5/2017 (BL 126 - BL128), UBND thành phố B trình bày khi cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 cho bà Lê Thị B thì UBND thành phố hoàn toàn không biết trên phần đất này có căn nhà của bà D và ông H. Đồng thời, tại biên bản này, UBND xã M cũng thừa nhận: đáng lẽ khi niêm yết văn bản thừa kế quyền sử dụng đất của bà L thì cán bộ chuyên môn xã phải thông báo cho bà D, ông H và báo cáo cho UBND thành phố biết trên phần đất thừa kế của bà L có căn nhà của bà D, ông H nhưng UBND xã M đã không thông báo cho bà D, ông H và UBND thành phố B biết, đây là thiếu sót của UBND xã M. Từ các phân tích trên, xét việc UBND thành phố B cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 diện tích 343,1m² cho bà Lê Thị B là không đúng trình tự, thủ tục.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Căn cứ Khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai 2003, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã M, thành phố B cho bà B là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung quyết định hành chính:

Các đương sự đều thống nhất phần đất diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre thuộc thửa số 34 tờ bản đồ 03 mà UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B vào năm 2014 có nguồn gốc là của bà Trần Thị L. Vào năm 2013, bà L chết, không để lại di chúc. Bà L không có

chồng, con, không cha nuôi, không mẹ nuôi, không con ruột, không con nuôi; hàng thừa kế thứ nhất và thứ hai của bà L không còn. Tại phiên tòa, bà D cho rằng hàng thừa kế thứ 3 của bà Trần Thị L gồm 12 người. Tuy nhiên, theo văn bản phân chia thừa kế ngày 25/11/2013 chỉ có 08 người ký tên, còn lại 4 người không có ký tên. Tại phiên tòa, bà B cũng thừa nhận bà L có tổng cộng 12 người cháu, trong đó có 10 người gọi bà L là dì ruột, 2 người gọi bà L là cô ruột, nhưng trong văn bản phân chia thừa kế chỉ có 08 người cháu ký tên vào văn bản phân chia thừa kế, còn lại 02 người cháu gọi bà L là dì và 02 người cháu gọi bà L là cô thì không có ký tên vào văn bản phân chia thừa kế. Xét thấy, căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005, quy định: “Hàng thừa kế thứ 3 gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chất ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.” thì bà B chưa đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp này. Xét lời trình bày của bà D cho rằng UBND thành phố B cấp quyền sử dụng đất cho bà B chưa đúng nội dung là có căn cứ.

Từ các cơ sở trên, xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 diện tích 343,1m² do UBND thành phố B cấp cho Lê Thị B vào ngày 26/02/2014 là không đúng trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định pháp luật. Vì vậy, việc bà D và ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03 diện tích 343,1m² do UBND thành phố B cấp cho Lê Thị B là có căn cứ.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà D và ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 52, Điều 129 Luật Đất đai 2003; Điều 151 Nghị định 181/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H và bà Đỗ Thị Phi D, cụ thể: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 03, diện tích 343,1m², tọa lạc tại xã M, thành phố B do Ủy ban nhân dân thành phố B

cấp cho bà Lê Thị B đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 26/02/2014, số vào sổ cấp GCN: CH02658.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí với số tiền: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tấn H số tiền: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002593 ngày 23/02/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bến Tre. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Phi D số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002592 ngày 23/02/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (4b);
- Tòa HC; Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy